TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Đúng và ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Bảo Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2024, Thông báo chuyển lịch xét xử số 05/2024/TB-TA ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Ngọc L – Sinh năm: 1990;

HKTT tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Trung T – Sinh năm: 1984;

HKTT tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ngọc L và ông Nguyễn Trung T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L là do bất đồng quan điểm, hay kình cãi. Hai bên đã sống xa nhau từ năm 2020, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà L xin ly hôn ông T.

Con chung: có hai con chung tên là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 19/9/2009 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 28/01/2014. Cháu T1 và T2 đang ở với bà L. Khi ly hôn, bà L xin nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn. Nay bà L xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn. Trường hợp, Tòa án xét ly hôn, ông T đồng ý giao 02 con cho bà L nuôi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Trung T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; về con chung: giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T1 và T2, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trung T, hộ khẩu thường trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2008, ngày 29/9/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh, trong quá trình chung sống, bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, quan điểm bất đồng nên thường xuyên kình cãi, hiện nay đã sống xa nhau. Xét mâu thuẫn giữa bà L, ông T thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.2] Con chung: bà L và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 19/9/2009 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 28/01/2014. Các cháu T1 và T2 hiện do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai cháu đều có nguyện vọng xin ở với bà L. Khi ly hôn, bà L và ông T thống nhất giao hai con cho bà L nuôi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cho hai cháu T1 và T2 được ổn định chỗ ở, phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần cần công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L được ly hôn ông Nguyễn Trung T.

[2] Về con chung: giao cho bà Trần Thị Ngọc L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 19/9/2009 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 28/01/2014. Ông Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: bà Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003392 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Đông Hoà;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lệ Hiền